TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Ảnh

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Mỹ H, sinh năm 1986; Căn cước số 048186004098 do Bộ C cấp ngày 30 tháng 9 năm 2025; nơi ĐKNKTT: D D, phường H, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: A T, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1985, Căn cước số 044085011007 do Bộ C cấp ngày 10 tháng 10 năm 2025; nơi cư trú: D D, phường H, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện về việc ly hôn gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 9 năm 2025 và tại Bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2025, nguyên đơn - bà Đinh Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng vào năm 2010. Sau khi kết hôn, bà và ông B sống ở nhà của gia đình ông B tại D D, thành phố Đà Nẵng; được 03 năm thì bà và ông B chuyển ra thuê trọ ở và sau đó 01 năm thì mua nhà ở tại 1 B, phường H, quận C, nay là phường C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn, trầm trọng nhất là từ tháng 8 năm 2025. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; thường xuyên cãi vả về vấn đề kinh tế; ông B không quan tâm, chia sẻ với bà trong việc chăm lo cho con cái. Nay, bà xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà xác định bà và ông B có 02 (*Hai*) con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Bảo N1 - sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Về quan hệ chia tài sản: Bà xác định bà và ông B không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ bà và ông B.

Tại phiên toà, bà H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Lý do bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là bà để ông B tự nguyện thực hiện nghĩa vụ. Sau khi ly hôn, trường hợp ông B không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì bà sẽ khởi kiện sau.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Văn B không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông B vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng phát biểu: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần và quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Hội thẩm nhân dân đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Văn B; căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi 02 *(Hai)* con chung của bà H. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Nguyễn Văn B, nhưng tại phiên tòa ông B vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung: Bà Đinh Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà H và ông B là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông B, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông B không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H trình bày là vợ chồng không có sự chia sẻ, ông B thiếu trách nhiệm với gia đình. Việc ông B không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông B không có mong muốn đoàn tụ, để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H đối với ông B, xử cho bà H được ly hôn với ông B.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung*:* Bà H và ông B có 02 (*Hai*) con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Bảo N1 - sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 (*Hai*) con chung.

Xét, mặc dù con chung Nguyễn Bảo N có nguyện vọng được sống với ba, nhưng ông B không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hiện nay, cả hai con đều đang sống với mẹ; đồng thời, con chung Nguyễn Bảo N là con gái, con chung Nguyễn Bảo N1 bị khuyết tật *(Có Giấy xác nhận khuyết tật)* nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, xử giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản: Bà H xác định bà và ông B không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của bà và ông B nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đinh Thị Mỹ H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đinh Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Văn B về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà H được ly hôn với ông B.

* Về quan hệ nuôi con chung:

Xử: Giao 02 *(Hai)* con chung Nguyễn Bảo N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2011 và Nguyễn Bảo N1 - sinh ngày 08 tháng 11 năm 2017 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ chia tài sản: Bà H xác định bà và ông B không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Đinh Thị Mỹ H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0002548 ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Cường (*Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2010*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy